

Số: 002 /BC-CT-KH

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2019

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG  
KINH DOANH NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2019**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel

**I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2018**

**1. Tổng quan về môi trường kinh doanh năm 2018**

**1.1. Đánh giá môi trường vĩ mô:**

Năm 2018 kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng tích cực, xung đột và cạnh tranh giữa các nước lớn diễn ra gay gắt. Kinh tế trong nước cũng duy trì đà tăng trưởng cao, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, GDP tăng 7,08%.

Ngành viễn thông trong nước tăng trưởng 10,8% so với năm ngoái với nhiều sự biến động về nhân sự lãnh đạo và nhiều chính sách mới đi vào hiệu lực. Trước làn sóng cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ đòi hỏi các doanh nghiệp viễn thông phải chuyển đổi từ một nhà cung cấp dịch vụ viễn thông truyền thống đơn thuần sang nhà cung cấp dịch vụ số, tập trung xây dựng các giải pháp, dịch vụ số theo mô hình hệ sinh thái dựa trên các nền tảng số như Chính phủ điện tử, đô thị thông minh, vạn vật kết nối.

**1.2. Đánh giá môi trường vi mô:**

Ngành xây lắp viễn thông trong nước giảm cả về nguồn việc cũng như giá trị do đã bão hòa, các doanh nghiệp chú trọng đầu tư vào các vùng sâu vùng xa, vị trí địa lý khó khăn, phức tạp, tập trung vào triển khai các trạm nhỏ (micro cell), giá trị thấp.

Nguồn việc tại các thị trường Viettel đầu tư giảm (ngoại trừ Myanmar), tổng doanh thu từ thị trường nước ngoài giảm 41% so với thực hiện năm 2017.

Vận hành khai thác trong nước duy trì ổn định, trong năm đã xúc tiến VHKT thử nghiệm tại thị trường Myanmar và Campuchia.

2018 cũng là năm Công ty có nhiều sự kiện lớn với việc đổi tên thành thành Tổng Công ty và kiện toàn bộ máy Hội đồng quản trị chuyên trách.

**2. Đánh giá thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch**

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2017	KH năm 2018	TH năm 2018	% TH/KH	Tăng trưởng so với năm 2017
1	Tổng Doanh thu hợp nhất	Triệu đồng	3.337.056	4.168.314	4.313.030	103%	29%
	<i>DT hợp nhất từ hoạt động SXKD</i>	<i>Triệu đồng</i>	3.302.042		4.276.731		30%
	<i>DT tài chính</i>	<i>Triệu đồng</i>	6.100		17.582		
	<i>Thu nhập khác</i>	<i>Triệu đồng</i>	28.915		18.716		-35%
2	Tổng Chi phí	Triệu đồng	3.182.199	3.979.690	4.123.369	104%	30%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	154.857	188.624	189.661	101%	22%
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	117.915	145.292	146.958	101%	25%
5	Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	1.831.709	1.842.533	2.320.859	126%	27%
6	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	699.834	740.304	775.823	105%	11%

(Số liệu trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 đã được kiểm toán)

- Trong năm 2018, các chỉ số về hiệu quả hoạt động của công ty tốt lên. Cụ thể: Vòng quay hàng tồn kho tăng từ 7.6 vòng lên 8.6 vòng/năm; Kỳ thu tiền bình quân giảm 3 ngày từ 112 ngày về 109 ngày; Số ngày hoàn thành chu kỳ SXKD giảm 11 ngày từ 124 ngày còn 113 ngày.

- Chỉ tiêu EPS đạt 2.834 đồng cao hơn năm 2017 (2.273 đồng). Chỉ số hiệu quả của công ty cao hơn mức trung bình ngành từ 2%-3%. Cụ thể ROE = 19,9%; ROA = 7,1% (Mức trung bình của ngành ROE = 14%; ROA = 4%).

### 3. Đánh giá các mặt hoạt động SXKD

#### 3.1. Những mặt đạt được:

- Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2018:

+ Doanh thu hợp nhất đạt 4.313/4.168 tỷ, đạt 103% kế hoạch, tăng trưởng 29% so với năm 2017;

+ Sản lượng đạt 4.451/4.268 tỷ đạt 104% kế hoạch, tăng trưởng 40% so với năm 2017;

+ Lợi nhuận trước thuế đạt 189,7/188,6 tỷ đạt 101% kế hoạch, tăng trưởng 22% so với năm 2017.

- **Phát triển, mở rộng ngành nghề Vận hành khai thác:** Năm 2018 đã chính thức vận hành khai thác mạng truy nhập cho 3 tỉnh tại Myanmar và 7 tỉnh tại Campuchia, đánh dấu bước ngoặt trong việc mở rộng Vận hành khai thác tại thị trường nước ngoài Tập đoàn đầu tư.

- **Chuyên nghiệp hóa công tác Xây lắp hạ tầng viễn thông:** Đã kiện toàn mô hình khối xây lắp trong nước, thay đổi cách thức, luồng điều hành (Thành lập Trung tâm Hạ tầng thuộc Tổng Công ty thực hiện vai trò GSM (ra cơ chế, chính



sách, đảm bảo điều kiện sản xuất, hỗ trợ, giám sát hoạt động của các Chi nhánh xây lắp khu vực dựa trên KPI và là đầu mối giao diện với chủ đầu tư) đối với công tác xây lắp trong nước; Các Chi nhánh xây lắp khu vực tập trung vào việc tổ chức triển khai thi công, nghiệm thu, hoàn công); Triển khai phần mềm xây lắp vào sử dụng từ tháng 7/2018.

**- Chuyển dịch từ nhà thầu xây lắp thành nhà Đầu tư hạ tầng cho thuê:**

Trong quý IV/2018 đã xây dựng và phát sóng 15 trạm (01 trạm macro, 14 trạm small cell) để cho thuê. Đã đánh giá hiệu quả đầu tư và xác định khối lượng triển khai năm 2019 (200 - 300 trạm BTS macro; 1.500 smallcell; 3 - 5 triệu m2 DAS (phủ sóng trong tòa nhà); hạ tầng ngầm 30km; cung cấp năng lượng cho 35 vị trí không điện; doanh thu năm 2019 dự kiến đạt 55 tỷ).

**- Giải pháp doanh nghiệp:** Tổ chức bộ máy Giải pháp doanh nghiệp xuyên suốt từ Tổng Công ty đến cấp cụm/đội kỹ thuật, đã đào tạo chuyển giao vận hành khai thác các hệ thống (ATM.ONE, SAFE.ONE) và đào tạo chứng chỉ CCNA (Cisco Certified Network Associate – chứng chỉ quản trị hệ thống mạng máy tính cơ bản) cho nhân sự hạt nhân tại tỉnh; Đã tiếp nhận vận hành hệ thống core vCAM cho TCT GPDN.

**3.2. Những tồn tại và nguy cơ:**

- Kết quả kinh doanh còn phụ thuộc vào Tập đoàn Viettel, doanh thu ngoài Tập đoàn mặc dù có tăng trưởng 16% so với thực hiện năm 2018 nhưng tỷ trọng so với tổng doanh thu còn thấp (chỉ đạt 5,4%/tổng doanh thu thuần).

- Nguồn việc xây lắp, cả trong nước và nước ngoài là mảng đem lại tỷ trọng lợi nhuận lớn nhưng ngày càng giảm. Lợi nhuận mảng xây lắp năm 2018 có tăng 1,6% so với năm 2017 nhưng giảm 3,4% so với năm 2016 và giảm 12,9% so với năm 2015.

**II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019**

**1. Dự báo về môi trường kinh doanh**

Dự báo tình hình thế giới, khu vực thời gian tới vẫn diễn biến phức tạp, khó lường, xung đột thương mại leo thang giữa các nền kinh tế lớn làm gia tăng rủi ro trong kinh tế toàn cầu.

Trong nước, năm 2019 tiếp tục đà tăng trưởng nhưng sẽ khó khăn hơn, những thách thức từ chiến tranh thương mại giữa các quốc gia, nền kinh tế lớn và xu hướng bảo hộ thương mại nội địa là những nguy cơ cản trở tăng trưởng.

Với ngành viễn thông, năm 2019 sẽ tiếp tục là một năm đầy sôi động, tác động của những chính sách đã ban hành trong năm 2018, nhất là dịch vụ chuyển mạng giữ số sẽ tạo nên áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các nhà mạng nhằm giữ vững thị phần, đòi hỏi phải liên tục nâng cao chất lượng dịch vụ, chú trọng công tác chăm sóc khách hàng.





Tốc độ phát triển công nghệ số đòi hỏi ngành viễn thông phải liên tục đổi mới, sáng tạo để có thể bắt kịp những thay đổi của công nghệ trong kỷ nguyên cách mạng 4.0, mở ra những cơ hội cho việc xây lắp và vận hành khai thác các công trình công nghệ cao.

Chủ trương tăng cường sử dụng chung hạ tầng viễn thông tại các thành phố lớn, chủ trương ngầm hóa đô thị là cơ hội cho Tổng Công ty Công trình trong việc trở thành nhà đầu tư xây dựng hạ tầng viễn thông cho thuê, từng bước tiến tới mục tiêu trở thành TowerCo vào năm 2025.

Hoạt động xây lắp hạ tầng viễn thông trong nước và nước ngoài tiếp tục suy giảm do Tập đoàn giảm đầu tư, tập trung vào triển khai các giải pháp phủ sóng nhỏ và củng cố, nâng cao chất lượng mạng lưới.

TCT CT đã xây dựng được nghề vận hành khai thác mạng lưới tại thị trường trong nước là tiền đề cho việc mở rộng VHKT mạng ngoài Viettel cũng như VHKT tại các thị trường Tập đoàn đầu tư.

## 2. Các chỉ tiêu chính:

- Tổng doanh thu: 5.000 tỷ, tăng trưởng 15,9% so với năm 2018.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 203 tỷ, tăng trưởng 7,3% so với năm 2018.

Chi tiết theo bảng sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2018	KH năm 2019	Tăng trưởng KH 2019/TH 2018
1	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	4.313.030	5.000.393	15,9%
2	Tổng Chi phí	Triệu đồng	4.123.369	4.796.813	16,3%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	189.661	203.579	7,3%
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	146.958	158.233	7,7%
5	Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	2.320.859	2.430.215	4,7%
6	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	775.823	792.507	2,2%

## III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN.

### 1. Con người:

- Kiện toàn mô hình tổ chức Tổng Công ty, nâng cấp các Trung tâm kỹ thuật Viettel tỉnh/TP thành Chi nhánh Kỹ thuật Viettel tỉnh/TP để phát huy tính chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn.

- Đẩy mạnh tổ chức công tác đào tạo với 100% CBNV, nhân sự tốt thì chất lượng dịch vụ mới tốt; Thực hiện chủ trương tuyển mới nhân sự key để tăng cường nguồn lao động chất lượng cao cho các phòng/ban cơ quan.

- Đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền, xây dựng cơ chế linh hoạt, giám sát chặt chẽ các đơn vị trực thuộc, chọn cán bộ đứng đầu đủ tâm, đủ tầm.

### 2. Quy trình:



- Chuẩn hóa các quy trình lõi theo 4 trụ của Công ty: Vận hành khai thác, xây lắp, hạ tầng cho thuê và giải pháp doanh nghiệp.

- Duy trì toàn bộ các hoạt động của Tổng Công ty tuân thủ theo quy trình; Thường xuyên điều chỉnh quy trình phù hợp với thực tế, hướng tới mục tiêu nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động.

### 3. Công cụ:

- Đảm bảo luôn đầy đủ 100% các công cụ cứng cho hoạt động công tác Vận hành khai thác và xây lắp.

- Tự động hóa toàn trình nghiệp vụ lõi hoạt động xây lắp: xây dựng phân hệ KPI điều hành xây lắp; xây dựng phân hệ tài chính cho các công ty thị trường nước ngoài; Xây dựng hệ thống quản lý tài sản của Tổng Công ty.

- Thông minh hóa hoạt động điều hành xây lắp, VHKT qua hệ thống số liệu trực quan Dashboard và biểu đồ xu thế; Di động hóa hoạt động xây lắp thông qua việc xây dựng phân hệ mobile cho công tác điều hành KPI xây lắp.

### 4. Tổ chức điều hành:

- Vận hành khai thác: Trong nước - nâng cao ý thức người làm dịch vụ chuyên nghiệp, chủ động biện pháp cải thiện chất lượng mạng lưới, hạn chế các tác vụ không mang lại giá trị; Nước ngoài - Mở rộng hoạt động Vận hành khai thác tại nước ngoài: làm có trình tự, làm đến đâu, chắc đến đó, kiểm soát chặt chẽ. Mục tiêu năm 2019 sẽ tham gia đấu thầu triển khai vận hành khai thác tại toàn bộ các tỉnh thuộc thị trường Myanmar, Campuchia và Peru.

- Xây lắp: Đưa tất cả các hoạt động xây lắp từ công tác quản lý điều hành đến thi công trực tiếp chạy theo đúng quy trình và KPI quy định. Các hoạt động điều hành hướng vào mục tiêu thu tiền từ chủ đầu tư.

- Hạ tầng cho thuê: Chủ động rà soát các vị trí trạm chuẩn bị triển khai/ di dời đảm bảo hiệu quả đầu tư để nhận triển khai xây dựng cho thuê; Nghiên cứu các giải pháp thi công cấp ngầm theo công nghệ mới để tối ưu chi phí đầu tư; Triển khai cả 2 phương án đầu tư mới và mua lại hệ thống DAS tại các tòa nhà.

- Giải pháp doanh nghiệp: Phối hợp TCT GPDN cùng triển khai các dự án theo quan điểm TCT GPDN cung cấp giải pháp, TCT CT cung cấp vật tư, thiết bị và triển khai lắp đặt, VHKT.

- Triển khai kinh doanh dịch vụ giải pháp hộ gia đình: Dựa trên tập khách hàng FTTx có sẵn của VTT sẽ tiếp xúc triển khai cung cấp đa dịch vụ cho hộ gia đình (lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị cơ điện lạnh, các thiết bị smart home,...). Mục tiêu đạt 5 triệu khách hàng (5 triệu hộ gia đình) đến năm 2025.



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Phạm Đình Trường**